

Bản án số: 584/2024/HC-PT

Ngày: 19 - 6 - 2024

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất
đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 496/2023/TLPT-HC ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 877/2024/QĐPT-HC ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trương Huỳnh T, sinh năm 1948 (có mặt);

Địa chỉ: Số A N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Người khởi kiện:

1/ Luật sư Nguyễn Ánh D – Đoàn luật sư thành phố C (có mặt);

2/ Luật sư Nguyễn Ngọc S – Đoàn luật sư thành phố C (có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ;

Địa chỉ: Số B N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Trung T1, chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận (xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

1/ Ông Phạm Văn Đ (có mặt);

2/ Ông Dương Thanh C (có mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Vũ Thị S1 (đã chết ngày 10/11/2021):

1/ Bà Trương Thanh N (con bà S1) (có mặt);

Địa chỉ: số G khu V, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

2/ Ông Trương Chí T2 (con bà S1) (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

3/ Ông Trương Chí H (con bà S1) (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

4/ Bà Trương Thanh T3 (con bà S1) (vắng mặt)

5/ Bà Trương Thanh M (con bà S1) (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Trương Huỳnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện ông Trương Huỳnh T trình bày:

Ngày 22/3/2019 ông Trương Huỳnh T nộp đơn khởi kiện đối với Quyết định số 4635/QĐ-UBND ngày 20/7/2018, Thông báo số 132/TB.HĐBT ngày 27/7/2018 của Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất quận N về việc thông báo các khoản nhận kinh phí bồi thường lần 1. Do đơn khởi kiện chưa đầy đủ các nội dung theo quy định và xác định chưa đúng đối tượng khởi kiện nên ngày 27/6/2021, ngày 10/01/2020 Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Thông báo số 09/TB.TA, Thông báo số 02/TB.TA đề nghị ông T sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện.

Theo đơn khởi kiện ngày 20/01/2020 (đã sửa đổi bổ sung theo yêu cầu của Tòa án) ông Trương Huỳnh T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 4635/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất của ông T; Một phần Quyết định số 4686/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

Lý do khởi kiện:

1/ Quyết định số 4635/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 chỉ thu hồi diện tích 1.033,6m² (thổ cư 100m², 900m² là đất vườn, 33m² nằm ngoài giấy chứng nhận), Quyết định thu hồi đất triển khai đến tháng 3/2019 nhưng thực tế khu nhà thờ hiện có 1.178,1m². Ngoài ra ông còn khiếu nại, yêu cầu giải quyết phần đất mồ mả của dòng họ T4 đã có trên 200 năm. Cụ thể:

- Khu mộ ông Trương Văn H1 có 869,1m² (có 07 mộ) không có Quyết

định thu hồi, nhưng Trung tâm Phát triển quỹ đất lại thông báo ông phải di dời mồ mã.

- Riêng khu mộ ông Trương Văn C1 có diện tích 701,8m² tại thửa số 33 do ông Trương Huỳnh T5 đứng tên. Năm 2003 ông T5 đã chuyển nhượng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn A, đến năm 2007 ông phải chuộc lại nhưng Quyết định thu hồi đất lại ghi tên bà Vũ Thị S1 (có 14 mộ).

2/ Quyết định số 4686/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 về việc: phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án xây dựng khu tái định cư A (phần liên quan đến ông Trương Huỳnh T) không hợp lý, trái với quy định của pháp luật. Trong quá trình lập quy hoạch, giải quyết đền bù ông đã có thiện chí hỗ trợ và nhiều lần phản ánh ý kiến đại diện cho dòng họ, nhưng Ủy ban nhân dân quận N và Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất quận N không có phương án giải quyết. Theo quyết định về áp giá không phù hợp về đất nhà thờ, đất mồ mã, di dời công trình xây dựng mồ mã lại gây thiệt thòi cho người dân quá nhiều, chỉ có lợi cho Nhà nước, giúp chủ đầu tư làm giàu. Mặt khác, đây là xây dựng khu tái định cư, nhưng thực tế là phân nền bán lại cho dân.

Đến ngày 07/01/2021, ông Trương Huỳnh T khởi kiện yêu cầu bổ sung hủy Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất của ông T; hủy một phần Quyết định số 6760/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất của bà Vũ Thị S1 tại thửa số 33 diện tích 529m² đất NTD và một phần thửa 32, diện tích 172,8m² đất loại 2L (lúa), thuộc tờ bản đồ số 11, tổng diện tích ông T yêu cầu hủy trong quyết định thu hồi đất của bà S1 là 701,8m².

Lý do khởi kiện là: Vào ngày 25/12/2020 được Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ mời làm việc thì ông được biết Ủy ban nhân dân quận N có ban hành Quyết định số 2705/QĐ-UBND, nhưng chỉ tính có 163,6m² đất NTD còn lại 705,5m² đất CLN là không phù hợp vì từ trước đến nay phần diện tích đất này là đất để làm khu mộ của dòng họ Trương là đất NTD, nằm trong phần đất hương hỏa của dòng họ trên 100 năm nay. Theo Quyết định số 2705/QĐ-UBND ký ngày 10.4.2020 nhưng ông không được triển khai và ngày 20.02.2020 đã ra thông báo áp giá về bồi thường mộ và ngày 27.3.2020 ra thông báo áp giá bồi thường về đất.

Về Quyết định 6760/QĐ-UBND thu hồi đất do bà Vũ Thị S1 đứng tên thì vào ngày 29/5/2009 ông đã chuộc lại đất này từ công ty A có biên bản bàn giao đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không thực hiện được do sau đó Ủy ban nhân dân lại giao dự án này cho Công ty V thực hiện. Tại biên bản họp giải quyết phần diện tích đất mồ mã nói trên tại Trung tâm phát triển quỹ đất quận N ngày 04/10/2019 bà S1 đã thừa nhận chuyển nhượng đất cho Công ty A và giao lại phần diện tích đất này cho Trung tâm phát triển quỹ đất làm việc trực tiếp với ông.

Theo văn bản trình bày ý kiến của người bị kiện thể hiện:

Căn cứ Giấy chứng nhận số H04818.QSĐĐ thì Trương Huỳnh T sử dụng 1000m² gồm: 100m² (ODT) và 900m² (CLN), thuộc thửa đất số 2709 và 2710, tờ bản đồ số 35, tại phường A. Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Công ty Trách nhiệm hữu hạn T8 lập thì phần đất của ông T sử dụng với diện tích thực tế 1.033,6m², lớn hơn diện tích được cấp Giấy chứng nhận là 33,6m² loại đất giao thông. Sau khi Ủy ban nhân dân quận N ban hành Thông báo thu hồi đất số 475/TB-UBND ngày 02/4/2018, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất quận N (nay là Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận N) có Biên bản ngày 02/5/2018 về việc đo đạc, kiểm đếm nhà, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi của ông Trương Huỳnh T.

Ngày 03/7/2018, Hội đồng bồi thường dự án có Thông báo số 121/TB.HĐBT về việc kiểm tra kết quả áp giá tạm tính về đất, nhà, vật kiến trúc và hoa màu ảnh hưởng công trình khu tái định cư A đối với ông Trương Huỳnh T.

Ngày 20/7/2018, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 4635/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Trương Huỳnh T với diện tích là 1.033,6m², trong đó thu hồi hết diện tích trên Giấy chứng nhận số H04818.QSĐĐ và 33,6m² đất giao thông (DGT) chưa được cấp Giấy chứng nhận.

Cùng ngày 20/7/2018, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 4686/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, vật kiến trúc, hoa màu đối với ông T với số tiền là 2.288.319.908 đồng, trong đó: Số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất 1.530.000.000 đồng (100m² ODT x 3.600.000 đồng) + (900m² CLN x 1.300.000 đồng) = 1.530.000.000 đồng; về nhà, vật kiến trúc: 676.184.208 đồng; hoa màu 58.335.700 đồng; hỗ trợ 6.800.000 đồng. trợ 17.000.000 đồng (riêng về chính sách tái định cư cho ông T không có đề cập trong quyết định này).

Đối với yêu cầu của ông Trương Huỳnh T xin bảo tồn khu mộ mã và nhà thờ họ Trương:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ban hành Văn bản số 646/UBND-TD ngày 23/02/2018 về việc trả lời đơn thì các mộ mã và nhà thờ họ Trương tại khu đất trên chưa được xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa, do đó không thực hiện việc bảo tồn theo Luật di sản văn hóa hiện hành; Ủy ban nhân dân quận N sẽ chỉ đạo đơn vị thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng thuê đơn vị tư vấn để lập dự toán di dời, bồi thường khi thực hiện dự án.

Căn cứ Khoản 3.3.9 Mục 3 của Khung chính sách tái định cư ban hành kèm theo Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố C quy định chính sách bồi thường công trình mộ mã: “Bồi thường di dời mộ mã bao gồm các chi phí để đào bốc, đắp, di dời đến nơi mới, cải táng và các chi phí liên quan khác (phù hợp với phong tục truyền thống) đến nơi mới

nhu thực trạng ban đầu. Các gia đình hoặc các tập thể có mồ mã bị ảnh hưởng sẽ được tham vấn về phương án di dời và được bồi thường bằng tiền mặt theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố C tại thời điểm bồi thường” và Điều 12 của Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố C về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định: *“Mộ xây có kiến trúc đặc biệt: Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập dự toán hoặc thuê đơn vị tư vấn đủ năng lực lập dự toán gửi Phòng Quản lý Đô thị quận, Phòng Kinh tế huyện, thẩm tra trước khi trình Ủy ban nhân dân quận, huyện phê duyệt”*. Ban Q đã thuê Công ty Cổ phần X lập dự toán di chuyển các ngôi mộ của gia đình họ T4 với tổng kinh phí là 1.389.349.495 đồng.

Ngày 07/02/2020, Hội đồng bồi thường dự án có Biên bản số 17/BB.HĐBT, thống nhất thực hiện theo dự toán tháo dỡ di dời và xây dựng các ngôi mộ họ Trương do Công ty Cổ phần X lập với tổng kinh phí là 1.389.349.495 đồng. Tuy nhiên, ông T không đồng ý và cho rằng kinh phí này là dự toán chi phí khảo sát, thiết kế, xây dựng và di dời mộ của ông Trương Văn H1 – bà Phan Thị G, còn tổng kinh phí khảo sát, thiết kế, xây dựng và di dời toàn bộ các ngôi mộ là 5.570.498.879 đồng, chênh lệch 4.181.149.384 đồng (do Công ty T9 lập khái toán theo yêu cầu của ông T).

Về xác định vị trí đất di dời các khu mộ: Theo biên bản vận động, Ông T thống nhất vị trí đường số 2 tại Hoa viên Nghĩa trang Nhân dân H3 (thuộc địa bàn tỉnh Hậu Giang) với điều kiện khu đất diện tích khoảng 500m², hoặc diện tích liền kề với khu đất này thì là 1.500m², thủ tục chuyển nhượng sẽ thực hiện theo quy định, sau đó chuyển mục đích trồng cây lâu năm sang đất nghĩa địa; phần đất phải được cắt vuông các góc; san mặt bằng theo quy hoạch và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng cho cá nhân ông (căn cứ 02 Biên bản cùng 1 ngày 14/11/2019 và Biên bản ngày 21/11/2019 của Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận N). Tuy nhiên cả 02 phương án này đều không thực hiện được.

Từ cơ sở nêu trên, cho thấy việc Ủy ban nhân dân quận N thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đúng quy định pháp luật tại Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013 và K chính sách tái định cư của dự án. Yêu cầu của người bị kiện: Kiến nghị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Huỳnh T; đồng thời giữ nguyên nội dung Quyết định số 4635/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất và Quyết định số 4686/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bị ảnh hưởng công trình xây dựng Khu tái định cư A, phường A.

Ý kiến của người bị kiện đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông T như sau:

- Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất: Phần đất của ông T bị ảnh hưởng công trình khu tái định cư A với diện tích 869,1m², trong đó có 705,5m² (CLN) và 163,6m² (NTD), thửa đất số 87, tờ bản đồ số 10, thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ Khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 của Luật Đất đai thì loại đất được xác định như sau: *Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng.*

Ngày 20/11/2019, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T8 có Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của ông Trương Huỳnh T với diện tích là 869,1m² loại đất trồng cây lâu năm (CLN) và đất nghĩa địa (NTD), thửa đất số 87, tờ bản đồ số 10, khu vực 2, phường A. Do đó, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2020 thu hồi đất của ông Trương Huỳnh T ảnh hưởng công trình khu tái định cư A, với diện tích là 869,1m² (CLN) và (NTD) chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định pháp luật.

Về khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 6760/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất của bà Vũ Thị S1 tại thửa số 33 và một phần thửa số 32: Theo Biên bản ngày 04/10/2018 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất quận N trao đổi làm việc về chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ 06 hộ cho thấy: Bà S1 có bán cho ông Trương Huỳnh T một phần nghĩa địa với diện tích 529m² NTD, thửa đất số 33, trên Giấy chứng nhận số 01160.QSDĐ do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 25/9/1993, nhưng không ký hợp đồng chuyển nhượng và thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 75 của Luật đất đai quy định: Hộ gia đình, cá nhân có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đủ điều kiện được bồi thường về đất. Theo đó, bà Vũ Thị S1 được quyền sử dụng 5.295,0m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01160.QSDĐ do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 25/9/1993 do nhận thừa kế của ông Trương Huỳnh T5. Ngày 16/10/2018, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 6760/QĐ-UBND thu hồi đất và Quyết định số 6756/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà Vũ Thị S1 là đúng quy định pháp luật.

Từ cơ sở trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N kiến nghị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Huỳnh T; giữ nguyên Quyết định số 2705/QĐ-UBND và Quyết định 6760/QĐ-UBND.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến:

Do bà Vũ Thị S1 mất ngày 10/11/2021, không để lại di chúc. Các con

gồm có Trương Chí H, Trương Chí T2, Trương Thanh N, Trương Thanh T3, Trương Thanh M. Qua ghi nhận ý kiến của các đương sự này thì ông Trương Chí H, Trương Chí T2 thừa nhận phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông T, nhưng bà Trương Thanh N thì không thừa nhận.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương Huỳnh T yêu cầu hủy đối với các quyết định hành chính gồm:

- Quyết định số 4635/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất của ông Trương Huỳnh T.

- Một phần Quyết định số 4686/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà, vật kiến trúc và hoa màu (đợt 1) cho ông Trương Huỳnh T tại số thứ tự số 30 trong Bảng tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ kèm theo quyết định.

- Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất của ông Trương Huỳnh T (đề nghị khi tiến hành thủ tục buộc giao đất (nếu có), cần tiến hành đo đạc cụ thể lại diện tích của từng loại đất theo quyết định 2705 để bảo đảm tính chính xác của diện tích đất bị thu hồi).

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Trương Huỳnh T về việc hủy một phần Quyết định số 6760/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất của bà Vũ Thị S1 tại thửa số 33 diện tích 529m² đất NTD và một phần thửa 32, diện tích 172,8m², tờ bản đồ số 11 (tổng diện tích ông T yêu cầu hủy trong quyết định thu hồi đất của bà S1 là 701,8m²). Dành quyền khởi kiện cho ông Trương Huỳnh T theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính khi đủ điều kiện.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 07/6/2023 người khởi kiện là ông Trương Huỳnh T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là ông Trương Huỳnh T vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, hủy các quyết định hành chính bị kiện.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện là Luật sư Nguyễn Ánh D và Luật sư Nguyễn Ngọc S thống nhất phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, hủy các quyết định hành chính bị kiện, cụ thể:

- Hủy một phần Quyết định 6760/QĐ-UBND vì phần đất theo quyết định

này ông T đã chuộc lại từ công ty A, nhưng Ủy ban nhân dân lại thu hồi đất và đền bù cho bà S1; Trên đất có khu mộ của gia đình ông T. Ông T yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp cho ông T diện tích 500m² đất để di dời mồ mả và cử đơn vị thực hiện việc di dời mộ. Nếu ông T phải nhận chuyển nhượng đất ở bên ngoài thì Ủy ban nhân dân phải hỗ trợ ông T;

- Hủy Quyết định 4635/QĐ-UBND vì bồi thường thiếu diện tích 32,1m²;

- Hủy một phần Quyết định 4686/QĐ-UBND về phê duyệt giá đất do giá đất liên kế ông T có giá 1,5 triệu đồng/m² nhưng Ủy ban nhân dân bồi thường chỉ có 1,3 triệu/m², yêu cầu bồi thường theo giá trị thị trường;

- Hủy Quyết định 2705/QĐ-UBND vì Ủy ban nhân dân không kiểm kê, việc đo đạc ông T không biết, và Ủy ban nhân dân cũng không giao quyết định này cho ông T.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện là các ông Phạm Văn Đ và Dương Thanh C thống nhất phát biểu ý kiến không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm vì khi thực hiện bồi thường, người bị kiện có mời bà S1, ông T làm việc và bà S1 cam kết sau khi nhận tiền đền bù sẽ giao lại cho ông T nhưng sau đó bà S1 chết nên không thực hiện được.

Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Vũ Thị S1 là bà Trương Thanh N trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm vì phần đất do bà S1 đứng tên, ông T có thỏa thuận với công ty A chuộc lại đất nhưng khi đó công ty A chưa có quyền sử dụng đất, gia đình bà S1 cũng không biết việc này. Theo di nguyện của chồng bà S1 để lại thì gia đình bà S1 không nhận tiền phần đất mồ mả, ai di dời thì người đó nhận, gia đình bà S1 chưa nhận tiền đền bù phần đất mồ mả này. Bà N chỉ yêu cầu trả lại phần đất ngoài khu đất mồ mả, còn phần đất mồ mả bà không có yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng thực hiện các quyền, nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bản án của Tòa sơ thẩm xét xử là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên, đối với Quyết định 2705/QĐ-UBND, Tòa án cấp sơ thẩm đã có nhận định và kiến nghị. Tại cấp phúc thẩm, người bị kiện xuất trình biên bản kiểm đếm lại ngày 28/3/2024, theo biên bản thể hiện việc đo đạc thực hiện lúc 8 giờ ngày 28/3/2024 nhưng đến 10 giờ ngày 28/5/2024 ông T mới ký vào biên bản là không phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần

kháng cáo của người khởi kiện, sửa một phần bản án sơ thẩm, hủy Quyết định 2705/QĐ-UBND.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện xin xét xử vắng mặt; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Vũ Thị S1 là các ông, bà Trương Chí T2, Trương Chí H, Trương Thanh T3, Trương Thanh M vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện, phần đất phần đất tại thửa số 33, một phần thửa số 32 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01160 do Ủy ban nhân dân thành phố C (cũ) cấp ngày 25/9/1993 cho bà Vũ Thị S1. Theo giấy chứng tử thì bà Vũ Thị S1 mất ngày 10/11/2021, không để lại di chúc; Các con bà S1 gồm các ông, bà Trương Chí H, Trương Chí T2, Trương Thanh N, Trương Thanh T3, Trương Thanh M.

Theo ý kiến trình bày của bà Trương Thanh N, bà không thừa nhận toàn bộ phần đất mà chỉ thừa nhận một phần diện tích đất nêu trên thuộc quyền sử dụng của ông T. Ngoài lời trình bày thì ông T không có chứng cứ chứng minh có quyền sử dụng đối với toàn bộ phần đất bị thu hồi tại Quyết định số 6760/QĐ-UBND (tổng diện tích ông T yêu cầu hủy trong quyết định này là thu hồi đất của bà S1). Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc hủy một phần Quyết định số 6760/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính do ông T chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật có căn cứ.

Ngoài ra, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm dành quyền khởi kiện lại vụ án hành chính sau khi có kết quả giải quyết vụ án dân sự, nhưng hồ sơ vụ án không có tài liệu thể hiện Tòa án đã thụ lý vụ án tranh chấp dân sự. Nếu ông T cho rằng quyền lợi ích hợp pháp hợp pháp bị xâm phạm đối với phần đất bị thu hồi theo Quyết định số 6760/QĐ-UBND thì có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất với những người thừa kế của bà S1.

[3] Đối với Quyết định 4635/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 thu hồi đất của ông T với diện tích đo đạc thực tế là 1.033,6m² trong đó có 100m² đất ODT, 900m² đất CLN (gồm thu hồi hết diện tích thửa đất số 2709 và 2710, tờ bản đồ số 35 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04818.QSDĐ do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 08/01/2008) và 33,6m² đất giao thông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Theo Kết quả đo đạc ngày 02/5/2018 và kết quả đo đạc phúc tra ngày 30/10/2018 đều thể hiện diện tích đất bị thu hồi của ông T là 1.033,6m². Tuy nhiên, kết quả đo đạc này không có ông T ký tên vào biên bản. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T cho rằng diện tích đất bị thu hồi không đúng nên ngày 19/4/2021 Tòa án cấp sơ thẩm, chính quyền địa phương, đại diện người bị kiện đã phúc tra đo đạc xác minh phần diện tích đất ông T bị thu hồi. Ngày 10/02/2022, Ủy ban nhân dân quận N thông qua kết quả đo đạc phúc tra thể hiện diện tích đất bị thu hồi có tăng 112,7m² so với Quyết định số 4635/QĐ-UBND, cụ thể là phần diện tích ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T là 146,3m². Vì vậy, ngày 29/4/2022 Ủy ban nhân dân quận N đã ban hành Quyết định số 2697/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 điều chỉnh Quyết định số 4635/QĐ-UBND về việc diện tích đất của ông T bị thu hồi từ 1.033,6m² lên 1.146,30m². Do đó, ông T yêu cầu hủy Quyết định số 4635/QĐ-UBND là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với Quyết định số 4686/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông T:

Căn cứ vào kết quả kiểm kê, đo đạc nhà, công trình vật kiến trúc cây trồng, Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc phê duyệt đơn giá thay thế đối với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng, cây trồng hoa màu để tính bồi thường dự án, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 4686/QĐ-UBND phê duyệt số tiền bồi thường về nhà, vật kiến trúc; hoa màu, hỗ trợ, bồi thường với số tiền 758.319.908 đồng là đúng với quy định tại Điều 89, Điều 90, Điều 91 Luật Đất đai năm 2013; điều 7, khoản 1 Điều 11, Điều 13 Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố C; điểm a khoản 6 Điều 1 Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố C; Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc phê duyệt đơn giá thay thế đối với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng, cây trồng và hoa màu để tính bồi thường cho các hộ dân do ảnh hưởng dự án phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị. Đối với phê duyệt kinh phí bồi thường về đất tại Quyết định số 4686/QĐ-UBND chỉ phê duyệt cho ông T với số tiền 1.530.000.000 đồng tương ứng với diện tích 1.000m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy, diện tích thực tế ông T sử dụng dư so với diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 143,6m². Vì vậy, căn cứ kết quả đo đạc phúc tra và giá đất cụ thể tại Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố C, Ủy ban nhân dân quận N đã ban hành Quyết định số 2678/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường về đất cho ông T với số tiền 190.190.000 đồng là phù hợp, đúng theo quy định

tại 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 4686/QĐ-UBND là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với Quyết định thu hồi số 2705/QĐ-UBND ngày 10/4/2020:

[5.1] Trong quá trình giải quyết vụ án trong các đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa sơ thẩm ông T đều trình bày diện tích đất bị thu hồi là 869,1m². Tuy nhiên, ông T cho rằng phần đất toàn bộ phần đất này là đất nghĩa trang (NTD) không phải chỉ có 163,6m² đất NTD và 705,5m² đất CLN.

[5.2] Xét thấy, phần đất 869,1m² ông T sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013, điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/3/2017 loại đất sẽ được xác định theo hiện trạng đang sử dụng.

Theo tài liệu do phía người bị kiện cung cấp, trước khi ban hành Quyết định 2705/QĐ-UBND Ủy ban nhân dân quận N không có biên bản đo đạc, kiểm kê hiện trạng sử dụng thửa đất mà chỉ căn cứ vào Phiếu xác nhận của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T8 về kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của ông T lập ngày 20/11/2019, phiếu xác nhận này không có chữ ký của ông T, mặt sau của tài liệu này có Biên bản làm việc với nội dung là Ủy ban nhân dân phường A, Công ty T9 về đo đạc, đại diện Ban Q có nhiều lần đến đề nghị ông T xem và ký vào phiếu đo đạc, nhưng ông T không đồng ý ký tên (bút lục 518). Trong khi đó, bà Nguyễn Ánh D (vợ ông T) ghi trong Bản trình bày ngày 09/5/2023 thì trên phần đất bị thu hồi này có mộ của bà Hoàng Thị T6, ông Trương Văn H1, bà Phan Thị G, ông Nguyễn Văn G1, bà Trương Thị S2, bà Nguyễn Thị Thu L, ông Trần Hữu H2, kim tinh của bà Trương Huỳnh Tần .

Đối chiếu tên các phần mộ ông T liệt kê và diện tích mộ theo xác định của Công ty Cổ phần T9 (BL 95) thì diện tích đất NTD tại vị trí này là 214,24m². Mặt khác, đơn giá bồi thường của phần đất này theo Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của Ủy ban nhân dân quận N thì đất NTD là 1.400.000 đồng/m² (70% của đất ở), đất LNK là 1.000.000 đồng/m². Như vậy, nếu diện tích 214,24m² (theo các phần mộ ông T liệt kê) là đúng thì Quyết định số 2705/QĐ-UBND thu hồi đất ông T với diện tích đất trồng cây lâu năm (CLN) là 705,5m² và đất nghĩa địa (NTD) là 163,6m² là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Đất đai quy định: *“...người sử dụng đất vẫn không phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc. Người có đất thu hồi có trách nhiệm thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc. Trường hợp người có đất thu hồi không chấp hành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định tại Điều 70 của Luật này”*, nhưng Ủy ban nhân dân quận N không thực hiện việc

kiểm đếm bắt buộc, mà chỉ căn cứ vào Phiếu xác nhận của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T8 về kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của ông T lập ngày 20/11/2019 (không có chữ ký của ông T) để xác định diện tích đất và loại đất bị thu hồi là không đúng về trình tự, thủ tục.

Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông T về việc đề nghị hủy Quyết định 2705/QĐ-UBND là có căn cứ chấp nhận. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Quyết định số 2705/QĐ-UBND được ban hành chưa đảm bảo đúng quy định pháp luật, nhưng không hủy Quyết định này mà chỉ đề nghị khi tiến hành thủ tục buộc giao đất (nếu có), cần tiến hành đo đạc cụ thể lại diện tích của từng loại đất theo Quyết định 2705/QĐ-UBND để bảo đảm tính chính xác của diện tích đất bị thu hồi là ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự, nên cần chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 2705/QĐ-UBND.

[6] Đối với nội dung ông T nêu ra về vấn đề xin giao đất khác cùng loại, chi phí di dời, giá trị bồi thường hỗ trợ mồ mả. Các hạng mục này được phê duyệt tại các Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 02/4/2019; Quyết định số 2701/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của Ủy ban nhân dân quận N. Tại phiên họp công khai chứng cứ ngày 06/4/2023 Tòa án cấp sơ thẩm đã giải thích pháp luật và cho thời hạn 07 ngày để ông T có đơn khởi kiện bổ sung đối với các quyết định này. Tuy nhiên, đã quá thời hạn ông T không có đơn khởi kiện bổ sung đối với Quyết định số 2060/QĐ-UBND, Quyết định số 2701/QĐ-UBND nên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

[7] Đối với vấn đề tái định cư, thì chính sách tái định cư cho hộ ông Trương Huỳnh T được giải quyết trong một quyết định hành chính khác, không nằm trong quyết định 4686/QĐ-UBND, 2678/QĐ-UBND nội dung các quyết định này cũng chưa đề cập đến chính sách tái định cư. Do đó việc tái định cư cho hộ ông T khi bị thu hồi đất cũng không giải quyết trong vụ án này.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[9] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Án phí hành chính phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, ông Trương Huỳnh T không phải chịu, theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Huỳnh T7; Sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Áp dụng Điều 61, Điều 62, Điều 66, Điều 67, Điều 69, khoản 2 Điều 74, Điều 89, Điều 90, Điều 91 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Huỳnh T yêu cầu hủy đối với các quyết định hành chính gồm:

- Quyết định số 4635/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất của ông Trương Huỳnh T.

- Một phần Quyết định số 4686/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà, vật kiến trúc và hoa màu (đợt 1) cho ông Trương Huỳnh T tại số thứ tự số 30 trong Bảng tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ kèm theo quyết định.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Huỳnh T:

Hủy Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất của ông Trương Huỳnh T.

Buộc Ủy ban nhân dân quận N thực hiện nhiệm vụ công vụ về việc thu hồi đất của ông Trương Huỳnh T bị ảnh hưởng công trình khu tái định cư An Bình theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Trương Huỳnh T về việc hủy một phần Quyết định số 6760/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất của bà Vũ Thị S1 tại thửa số 33 diện tích 529m² đất NTD và một phần thửa 32, diện tích 172,8m², tờ bản đồ số 11 (tổng diện tích ông T yêu cầu hủy trong quyết định thu hồi đất của bà S1 là 701,8m²).

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trương Huỳnh T không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND thành phố Cần Thơ (1);
- VKSND thành phố Cần Thơ (1);
- Cục THADS thành phố Cần Thơ (1);
- Các đương sự (7);
- Lưu: hồ sơ vụ án (1), VP (5), 18b (PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Nhựt Bình

